

R_x Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc



DENSIL

Diosmin 600 mg

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Đề xa tâm tay trẻ em*

1. Thành phần công thức thuốc:

Mỗi viên nén bao phim chứa:

- Thành phần dược chất: Diosmin 600,00 mg.
- Thành phần tá dược: Microcrystallin cellulose 101, colloidal silicon dioxyd (Aerosil), talc, polyvinyl pyrrolidon (PVP) K30, natri starch glycolat, magnesi stearat, natri lauryl sulfat, hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 606, hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 615, titan dioxyd, polyethylen glycol (PEG) 6000, màu red iron oxyd, màu black iron oxyd, màu erythrosin lake.

2. Dạng bào chế: Viên nén bao phim.

3. Chỉ định:

Cải thiện các triệu chứng có liên quan đến suy tuần hoàn tĩnh mạch: Chân nặng, đau, khó chịu vào buổi sáng.

Điều trị hỗ trợ chứng mao mạch dễ vỡ.

Điều trị hỗ trợ các dấu hiệu chức năng liên quan đến con trĩ cấp.

4. Liều lượng và cách dùng:

Liều dùng:

Suy tĩnh mạch: Một viên mỗi ngày, vào trước bữa ăn sáng.

Trĩ cấp tính: Hai đến ba viên mỗi ngày, uống trong bữa ăn.

Cách dùng:

Thuốc được dùng bằng đường uống.

5. Chống chỉ định:

Chống chỉ định dùng diosmin nếu:

Quá mẫn với hoạt chất hoặc bất kỳ thành phần tá dược nào của thuốc.

6. Cảnh báo và thận trọng:

Trĩ cấp tính: Việc sử dụng diosmin sẽ không thay thế được cho các liệu pháp điều trị chuyên biệt của các bệnh lý thuộc hậu môn khác.

Chỉ nên điều trị bằng diosmin trong một khoảng thời gian ngắn.

Nếu các triệu chứng không giảm nhanh chóng, nên tiến hành kiểm tra chuyên sâu và đánh giá lại sự điều trị.

Màu red iron oxyd, màu black iron oxyd, màu erythrosin lake có thể gây dị ứng.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai

Việc sử dụng diosmin trong thời kỳ mang thai chỉ nên được cân nhắc khi thật sự cần thiết.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú

Không có dữ liệu về khả năng đi qua sữa mẹ của thuốc. Không khuyến cáo cho con bú trong thời gian điều trị bằng diosmin.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Diosmin ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

9. Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Các dữ liệu sẵn có cho đến nay không cho thấy sự xuất hiện của các tương tác có ý nghĩa lâm sàng.

10. Tác dụng không mong muốn của thuốc (ADR):



Một số trường hợp xảy ra rối loạn tiêu hóa nhưng hiếm khi phải ngưng dùng thuốc.

Thông báo cho bác sĩ trong trường hợp có bất kỳ tác dụng không mong muốn nào liên quan đến việc dùng thuốc.

11. Quá liều và cách xử trí:

Không có thông tin về việc sử dụng quá liều diosmin.

12. Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Thuốc bảo vệ mạch, tác động trên mao mạch, mã ATC: C05CA03 (hệ tim mạch)
Thuốc điều trị các rối loạn tuần hoàn tĩnh mạch và bảo vệ mạch gây co mạch, tăng cường sức bền của mạch và làm giảm tính thấm của chúng. Các nghiên cứu khác nhau ở cả động vật và người đều đã chứng minh được những đặc tính đó.

Trên người:

Làm tăng tác dụng co mạch của adrenalin, norepinephrin và serotonin trên tĩnh mạch nông của bàn tay hoặc tĩnh mạch hiển.

Tăng trương lực tĩnh mạch.

Giảm áp lực tĩnh mạch trung bình ở cả hệ thống bề mặt và sâu, được chứng minh bởi Doppler bằng thử nghiệm giả được mù đôi có kiểm soát.

13. Đặc tính dược động học:

Ở người, sau khi uống diosmin, sự hấp thu nhanh chóng 2 giờ sau khi uống, nồng độ tối đa đạt được sau khi uống 5 giờ. Phân bố cao trong thận, gan, phổi và đặc biệt là tĩnh mạch chủ và tĩnh mạch nổi dưới da. Sự gắn kết ưu tiên này của diosmin hoặc các chất chuyển hóa của nó với các mô tĩnh mạch tăng lên cho đến giờ thứ 9 sau khi dùng và kéo dài trong suốt 96 giờ sau đó.

Thuốc được thải trừ hầu hết qua nước tiểu (79%), (qua phân 11%) và qua mật (2,4%). Thời gian bán thải khoảng 11 giờ. Thuốc được chuyển hóa mạnh, nhiều chất chuyển hóa (acid phenolic) khác nhau được phát hiện qua nước tiểu.

14. Quy cách đóng gói: Vi 10 viên; Hộp 3 vi; 5 vi; 10 vi. Chai 50 viên, 100 viên và 200 viên.

15. Điều kiện bảo quản: Bảo quản thuốc ở nơi khô, thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

16. Hạn dùng của thuốc: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

17. Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: Tiêu chuẩn cơ sở.

Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

Lô B1 – 10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi – TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam.

Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết, xin liên hệ số điện thoại 028-37908860



US PHARMA USA

